TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - BẮC NINH** Bản án số: 131/2026/HNGĐ-ST Ngày 24/7/2026 *Về việc ly hôn, nuôi con*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thân Văn Bình.
2. Bà Nguyễn Thị Cương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Uyên, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh.

Ngày 24/7/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2026/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2026 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2026 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số 115/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Huyền T, sinh năm 2003; CCCD số 024303003617.
Nơi cư trú: Thôn N (nay là thôn H), xã T, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).
- Bị đơn: Anh Lý Văn T1, sinh năm 1994, CCCD số: 024094007458.
Nơi cư trú: Bản Đ (nay là thôn Đ), xã Đ, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và lời khai tại phiên tào, chị Dương Huyền T trình bày:

Chị và anh Lý Văn T1 tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (cũ). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào tháng 12/2025, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị xin ly hôn với anh Lý Văn T1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Lý Quỳnh A, sinh ngày 07/10/2025. Hiện cháu đang ở với mẹ. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu anh T1 cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến cho cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi.

Các khoản chi phí nuôi dưỡng cháu Lý Quỳnh A một tháng bao gồm:

- Sữa: Hãng aptamilk bạc của Ú trọng lượng 900 gram, giá thành khoảng 900.000 đồng/hộp. Trung bình 1 tháng cháu Quỳnh A uống hết 2 hộp.

- Bỉm: H (M54), giá 325.000 đồng/bịch. Một tháng cháu Quỳnh A dùng hết khoảng 2 bịch. Đến mùa đông cháu Quỳnh A dùng bỉm của hãng Supdry U, giá khoảng 265.000 đồng - 295.000 đồng/bịch. Một tháng dùng hết khoảng 04 bịch.

- Cháo:

+ Cháo hộp: khoảng 02 cốc/tuần, giá từ 25.000 đồng – 30.000 đồng/cốc.

+ Cháo bột: mua đỗ và hạt sen về say, khoảng 200.000 đồng/tháng.

- Thực phẩn ăn dặm:

+ Dầu ăn: Hãng C loại dầu hạnh nhân, giá khoảng 45.000 đồng/chai. Một tháng dùng hết 01 chai.

+ Nước mắm: Nước mắm cá cơm Lê G, giá khoảng 35.000 đồng/chai. Mỗi tháng dùng hết 01 chai.

+ Bánh ăn dặm: Hãng M, giá 115.000 đồng/hộp. Mỗi tháng hết khoảng 02 hộp.

- Sữa chua: Hãng H, giá khoảng 45.000 đồng - 65.000 đồng/vỉ, dùng khoảng 5 vỉ/tháng.

- Váng sữa: Hãng H, giá khoảng 45.000 đồng - 65.000 đồng/vỉ, dùng khoảng 5 vỉ/tháng.

- Quần áo: trung bình mỗi tháng khoảng 200.000 đồng – 300.000 đồng.

- Khăn ướt: khoảng 25.000 đồng – 30.000 đồng/bịch. Một tháng dùng hết khoảng 2 bịch.

- Nước tắm, dầu gội: dầu gội thảo dược Dr. Papie dung tích 500ml, giá khoảng 195.000 đồng. Một tháng dùng hết 01 chai.

- Kem hăm: H1 (loại 60g), giá mỗi hộp 105.000 đồng. Khoảng 02 – 03 tháng dùng hết 01 lọ.

- Thực phẩm chức năng:

+ Vitamin D3 của B, giá khoảng 240.000 đồng/lọ, mỗi tháng dùng hết 01 lọ, dùng liên tiếp 03 tháng sau đó nghỉ 01 tháng và lại dùng tiếp.

+ Men vi sinh của LiveSpo PREG-MOM (20 ống x 5ml) giá khoảng 291.000 đồng/hộp. Mỗi tháng dùng 01 hộp.

- Thuốc: Trung bình mỗi tháng khoảng 200.000 đồng – 300.000 đồng. Tháng không ốm thì không chi trả.

- Điện, nước: Khoảng 300.000 đồng/tháng.

Tổng chi phí hết khoảng 5.126.000 đồng/tháng, chị T yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi cháu Quỳnh A là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 8/2026 cho đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng là hàng tháng.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản ghi ý kiến ngày 21/6/2026, biên bản hoà giải và lời khai tại phiên toà, anh Lý Văn T1 trình bày:

Anh và chị T kết hôn ngày 15/12/2024, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (cũ). Hai vợ chồng chung sống hòa thuận đến giữa năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Đến tháng 12/2025 thì vợ chồng sống ly thân, anh đã nhiều lần hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị T xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là cháu Lý Quỳnh A, sinh ngày 07/10/2025, hiện tại cháu đang ở cùng mẹ. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh A. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh đồng ý với mức chi phí nuôi dưỡng cháu Quỳnh A là 5.126.000 đồng/tháng mà chị T đã kê khai, không sửa đổi, bổ sung gì. Hiện tại anh đang làm vị trí kỹ thuật tại Công ty M, địa chỉ tại Khu công nghiệp Y 2IIC với thu nhập bình quân từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/tháng (Hai mươi lăm đến ba mươi triệu đồng một tháng). Tuy nhiên, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì đang gặp khó khăn về mặt kinh tế, hơn nữa là do chị T tự bỏ nhà đi, nếu chị T không nuôi được con thì anh sẽ nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Không có.

Về tài sản riêng: Tại bản khai ngày 21/6/2026, anh T1 khai từ tháng 12/2024 đến tháng 7/2025 anh có chuyển lương của mình cho chị T với tổng số tiền là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng). Anh xác định đây là tiền riêng gửi chị T giữ hộ. Sau đó chị T nói đã chi tiêu một số khoản chung thì anh đồng ý trừ đi 70.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu chị T phải trả anh số tiền 130.000.000 đồng còn lại. Lí do sau khi Toà án đưa vụ án ra xét xử anh mới yêu cầu trả lại tài sản là vì bận công việc, không xin nghỉ làm được nên không đến Toà án làm việc.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa.*

Các đương sự không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T yêu cầu được ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với anh T1 nên xác định đây là quan hệ tranh chấp về việc "Ly hôn, nuôi con"; Anh Tú có nơi cư trú tại xã Đ, tỉnh Bắc Ninh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực

3 - Bắc Ninh.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Huyền T và anh Lý Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Bắc Ninh). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua lời khai của chị T, anh T1 có đủ cơ sở xác định: Chị T và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 12/2025 cho đến nay, không còn quan tâm, liên hệ gì với nhau, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn, anh T1 đồng ý, xét thấy việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được công nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con chung: Chị T và anh T1 đều thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lý Quỳnh A, sinh ngày 07/10/2025 và thống nhất giao cháu Quỳnh A cho chị T nuôi dưỡng. Đây là thoả thuận tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được công nhận sự thoả thuận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T khai chi phí nuôi con chung là 5.126.000 đồng/tháng, anh T1 đồng ý với ý kiến của chị T, xét thấy mức chi phí này là phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Tú không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung vì lí do chị T tự ý bỏ nhà đi và đang gặp khó khăn về kinh tế, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Tú có thu nhập bình quân từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/tháng và không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đang gặp khó khăn về mặt kinh tế, do đó, anh T1 đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con. Việc chị T tự ý bỏ nhà đi là do mâu thuẫn vợ chồng, không làm thay đổi nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quỳnh A của anh T1. Về mức cấp dưỡng chị T yêu cầu là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với khả năng kinh tế của anh T1 và quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình, do đó cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nghĩa vụ riêng về tài sản: Tại bản khai ngày 21/6/2026, anh T1 mới đưa ra yêu cầu buộc chị T phải trả anh tài sản riêng. Anh Tú trình bày vì công việc bận nên đến ngày 21/6/2026 mới đưa ra yêu cầu này, xét thấy đây không phải lí do thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, thời điểm

anh T1 đưa ra ý kiến là sau khi Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải (ngày 29/4/2026), do đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận xem xét, giải quyết yêu cầu này của anh T1. Trường hợp anh T1 vẫn yêu cầu thì có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

- Về án phí: Chị Dương Huyền T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh Lý Văn T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 92; khoản 3 Điều 200; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Huyền T và anh Lý Văn T1.

3. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa chị Dương Huyền T và anh Lý Văn T1: Giao cho chị Dương Huyền T trực tiếp nuôi cháu Lý Quỳnh A, sinh ngày 07/10/2025.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Huyền T: Buộc anh Lý Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi cháu Lý Quỳnh A là 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng một tháng), thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8/2026 cho đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng là hàng tháng.

4. Về án phí:

- Buộc chị Dương Huyền T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000219 ngày 09/01/2026 do Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh thu. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí.

- Buộc Anh Lý Văn T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 3-Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Đồng Kỳ, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Trang